

# THỈNH QUÁN ÂM KINH SỞ XIÊN NGHĨA SAO

## QUYỂN 4

**Kinh Niết-bàn chép:** Chẳng trụ tướng pháp và tướng chúng sanh gọi là từ vô duyên, chẳng trụ hai bên là nghĩa chẳng ăn. Chúng sanh duyên, pháp duyên: Kinh Niết-bàn nói: Sở duyên từ của tất cả chúng sanh như duyên, cha mẹ, vợ con, thân thuộc gọi là sanh duyên. Chẳng thấy cha mẹ v.v... thấy tất cả pháp đều từ duyên sanh gọi là pháp duyên. Cho nên sanh duyên tuy chẳng đạ không mà đạ có, pháp duyên tuy chẳng đạ có mà đạ không. Cho nên nói đều có giới hạn. Vô duyên không giới hạn, chẳng mê đả hai bên. Tro có công năng gọt bỏ chất nhớ, tro như năm quán, đồ nhớ như tham v.v... Khi tham v.v... được dứt bỏ thì gọi là tấ gọi sạch sẽ. Thuyết Văn nói tháo là rửa tay, dục là tấ thân. Năm thứ củ cay, Tam tạng từ Mẫn nói là hành: Tỏi, rau, họ, hưng cừ. Về Hưng cừ, Pháp sư Ứng nói tiếng Phạm là sai, đáng lẽ phải gọi là hưng nghi. Từ Mẫn nói gốc hình như củ củ phát ra từ đất mùi cay. Từ mẫn mùa đông đến đất kia chẳng thấy mầm ấy, năm vật này vừa cay lại vừa hôi. Kinh nói năm thứ rau cay có công năng huân xông, củ cay mà chẳng huân xông, như gừng, cho nên chẳng được ăn. Thiên Thượng Hiệt chép: Huân là rau cay. Phạm vật cay có mùi đều gọi là huân. Kinh Quyết Định chép: người uống rượu ăn thịt, ăn năm vị cay vào già-lam, theo vào trong thai lợn, sau được làm người bị bệnh ở nách. Cho nên nay người tụng chú này không được ăn. Nay nói về lý giải chính do vị cay ép ngặt ở lưỡi, giống như khổ năm ấm. Hơi cay qua đêm vẫn còn. Như trong năm ấm sanh khởi hoặc nghiệp, có thể đến vị lai. Cho nên nói có tập đế. Ô uế v.v... chỉ cho cái đã tiêu biểu ở trên, chính là nói về kiến ái ô uế ấm. Chín thứ năm ấm như trước đã nói. Người nữ ô uế, Đại Luận nói dâm dục tuy chẳng khuấy rối chúng sanh nhưng do tâm tâm trối buộc, vì cầu giải thoát cho nên phải cấm. Kinh trường dự khổ biệt, giống như vị biệt khổ phần đoạn và chân vị biệt, khổ biến dịch. Đây là

Biệt viên. Cũng nên y theo mười thứ hành nhân chứng chung đối với ở trước. Quán Âm nói hai chú đã xong, cho nên ấn chứng chung. Đức Thích-ca do đó tự nói chú thứ ba, để khuấy rối các người nữ, tức quỷ làm động dâm. Kinh A-hàm nói dâm cũng có quỷ, khi quỷ nhập tâm khiến dâm dật vô độ, hoặc quỷ khiến sân, khiến tà, làm nhiều loạn. Thuyết Văn chép: Là nhiều hí, Quách Phát nói là nhiều lộng. Vào cảnh giới tốt đẹp là y theo mười hạng người, thì chín thứ còn lại đều gọi là cảnh giới tốt đẹp. Cho đến chỉ có Phật được gọi là Thiện. Kinh nói: Ác quỷ tiêu phục, Quán Âm có uy có ân, nếu chẳng ôm lòng nhớ ân thì là sợ uy, cho nên tiêu diệt điều phục. Ba chướng hết hẳn: là hai thứ, ba chướng. Một là phần đoạn ba chướng, kiến tư là phiền não chướng, hoặc nghiệp là nghiệp chướng, sanh trong giới nội là báo chướng. Hai là biến dịch ba chướng. Lại có hai:

1. Phương tiện ba chướng trần sa là phiền não chướng. Vô lậu nghiệp là nghiệp chướng. Biến dịch sanh tử là báo chướng.

2. Thật báo ba chướng, vô minh hoặc là phiền não chướng, nghiệp phi lậu, phi vô lậu là nghiệp chướng, cõi kia biến dịch là báo chướng. Chú này có công năng giúp cho đến chỗ rốt ráo tịch quang. Cho nên nói ba chướng dứt hẳn. Lửa ngục ba cõi, ba cõi trói buộc người hành đạo giống như lao ngục, vô thường như lửa. Các khổ, phần đoạn ba cõi có khổ trần sa, vô minh. Ngoài giới nên dùng chướng bốn đức làm bịnh. Vào trận chiến đấu, nếu theo lý thì chiến đấu với ma năm ấm, ma phiền não, ma chết. Như chim ưng tập bay, kinh Dịch nói vua dùng cung tên bắn chim trên thành cao. Khổng Dĩnh Đạt nói: Tập là loài chim tham lam tàn ác. Chiên thuộc loài chim cất tàn ác. Nay nói Quán Âm thù ứng như chim kia bay, ý nói mau chóng. Kinh linh ngữ, là âm linh ngữ, Quảng Nhã nói, Hạ nói đài, Bàn nói đủ phôi lý, là vua Trụ bắt Văn Vương. Chu nói linh ngữ, đều là tên khác của ngục. Chu lễ chép: Tam vương mới bắt đầu có ngục. Thích Danh chép là linh lãnh, ngữ ngữ, nghĩa là bắt buộc tù nhân không được chống cự. Kinh và các hình phạt, tức năm hình năm phạt. Hình là hình, hình thành, hễ thành thì không thể sửa đổi. Thuyết Văn nói: Người mắc tội lớn gọi là hình, người mắc tội nhỏ gọi là phạt. Quảng Nhã chép: phạt là chiết phục. Còn sách bộ hình nói năm hình không khác, chính là năm phạt. Khổng An Quốc Chú nói chẳng khác là chẳng nên năm hình, nên sửa đổi năm phạt, năm hình là khắc trên trán và nhuộm đen gọi là hắc hình, xẻo mũi gọi là ty hình, chặt chân gọi là phí hình, người đàn ông đi thế vợ đến chỗ u tối gọi là quan hình, tử hình gọi là đại tích. Ngày nay thì năm hình là si, trượng,

đồ, lưu, tử. Năm phạt là dùng vàng chuộc tội. Sách chép: hắc tích sợ bị phạt một trăm hoàn v.v... ngày nay thì si, trượng, đồ, đều có năm đẳng, lưu có ba đẳng, tử hình có hai đẳng, chuộc đồng đều có số cân. Trải qua một ngày v.v... là nói thời gian chịu khổ não. Bài chú thứ ba rằng:

Đa diệt tha an đà lệ bàn trà lệ chỉ do lệ đàn đà lệ thiên đà lệ để tà bà đà da xa bà đà phả la nị chỉ tì chất thư nan đà lệ bà đà lệ a lư bạt cụ lệ mâu cụ lệ nâu tỳ lệ sa ha.

Văn khen ngợi công dụng chia làm ba, trước một là ứng năng nhỏ gốc khổ, hai thứ sau là cơ năng tu hành. Lại, trước một là ứng năng bạt khổ, hai thứ sau là trong nhân tự hành. Lại nữa, sáu đường là cảnh sở quán, sáu diệu là quán năng quán. Sáu căn là hoặc bị phá. Cho nên ba đoạn văn kinh này không ra khỏi ứng cơ, tự tha và ứng cơ đều thuộc ba thứ: cảnh, quán, hoặc. Xưng niệm Tam bảo gọi là chương cú sáu chữ, ấy nghĩa là Phật-đà, Đạt-ma, Tăng-già, mỗi ngôi sáu hai chữ. Tam bảo là ba chữ, tức gọi tắt là Phật, Pháp, Tăng. Nếu dùng sáu chữ này thì chỉ cho trước hai nhà khắp nơi đều có, trước hai lần lượt chú đều xưng niệm Tam bảo. Nên đều gọi là Chương cú Sáu Chữ. Văn khởi tận, khởi là tiêu chương, tận là câu kết. Về sáu diệu, sáu thứ này tương thông lẫn nhau có thể đến chân diệu Niết-bàn, nên nói là sáu diệu môn. Đối với nghĩa là tiệt: Hai mươi lăm Hữu và do sáu đường chỉ khác nhau về chung, riêng. Đại kinh dùng hai mươi lăm Tam-muội phá hai mươi lăm Hữu, ý nghĩa hợp với Chương cú sáu chữ của kinh này phá bỏ sáu đường. nên nói là Tiệt. Sở dĩ nói ba thứ chương cú nghĩa là ba thứ tuy khác nhau nhưng chẳng lìa bác bỏ hữu. Trước một là hóa tha phá hữu, hai thứ sau là tự hành phá hữu. Đối với tự hành, trước một là phá quán hữu, sau một là hữu trung, tức trong sáu đường đều đủ sáu căn, sáu trần đều khởi ba độc. Cho nên, biết ba thứ sáu chữ không ngoài nghĩa đại kinh phá Hữu. Sáu xuất, ba chỗ mỗi chỗ đều nêu chương kết cú. Nói kệ xong, kệ nên có chú, đó là sự lầm lẫn của chữ. Kết cú sau nói v.v... tức là kinh nói: bảo A-nan rằng chính chương cú sáu chữ cho đến nếu có người nghe thì được lợi ích lớn lao. Sáu đường là sáu tự môn, văn thừa chữ môn. Vô lượng thứ, như người nói sang hèn, ngu trí, đẹp xấu mỗi thứ đều khác nhau. Người nói như vậy, ngoài ra đều mô phỏng theo đây. Tức là nghĩa chương, đoạn, cú, đậu. Lại xét thật tướng của sáu đường, nghĩa là soi chiếu sáu đường, ba chương là ba đức. Đây là y theo tự hành, giải thích nghĩa già trì. Phá ba chương tức già, đạt ba đức tức trì. Cho nên nói đặc Đà-la-ni v.v... có ngã hay không. Kinh ấy Ca-diếp hỏi, đáp rằng tức Phật đáp. Ngã là Phật tánh, tức là chính ngã. Cùng lý tánh này, nghiên cùng

ba để chúng sanh và Phật không khác nhau. Bồ-tát hiển bày từng phần, các Đức Phật rốt ráo, lý sự dung nhiếp lẫn nhau Phổ Môn thị hiện, vì thế nói được tự tại, cho nên có thể v.v... trở xuống là nói về hóa tha, giải thích già trì. Do tự chứng nên mới hóa tha được, cũng do tự thể tha thể tánh xen nhau trùm khắp. Cõi trời khổ ít, nghĩa là chẳng phải hoàn toàn không khổ, nhưng ít hơn so với các đường. Như các tầng trời cõi Dục có khổ năm suy, Tứ thiên có khổ chẳng được mau nhập thiên, Tứ không có khổ bốn tâm. Tám nạn là ba đường ác là ba, bốn là Bắc châu, năm là tầng trời Trường Thọ, sáu là sanh trước Phật sau Phật, bảy là Thế trí biện thông, tám là đui, điếc, câm, ngọng. Nói tất cả lời lẽ v.v... chính là nói tất cả đâu có chỗ nào chẳng nhiếp. Còn lia hai thứ khổ sanh tử, hưởng chi là cõi trời ư! Quả Lỗa Thuyết Văn chép: trên cây là quả, trên đất là lổa. Ứng thiệu nói hạt của cây gọi là quả, hạt của cỏ gọi là lổa. Trương Yển nói cỏ hạt gọi là quả, không hạt gọi là lổa. Từ vong thất v.v... trở xuống là nêu họa đối tượng. Dẫn về bốn độ, mất vợ con, tiêu tan tài sản, mất nước. Nay được tiếp nhận trở lại thì việc khác tự được. Cưu-Bàn-trà, Hán dịch là Úng, hoặc dịch là Đông qua. Ấm ấy tựa như cái hũ, là quý yểm mi. Vòi voi, nghĩa là cao lớn. Luận Ngữ nói: lông lộng có Thuấn Vũ trong thiên hạ. Kinh nói A-tu-la: A là không, Tu-la là trời, kia chẳng phải trời. Lại, Tu là xinh đẹp, kia chẳng xinh đẹp. Từ đời nay v.v... y theo giới hạn của kinh, từ A-nan nên biết về sau. Nay chỉ cho vẫn được mất. Cho nên nói từ đời nay v.v... Thất là mất, điều ác, nghĩa là già. Đắc là được, thiện là trì. Như Vô sanh nhẫn, Đại Phẩm nói pháp vô sanh tức là Phật. Đây đồng với nghĩa Đà-la-ni. Nhưng cũng là nhân chung, dường như sơ cảnh giới, giống như sáu căn tịnh vị, bỏ giả theo không. Chưa dám phán định cho nên nói tự. Kinh nói: Cát tường cú tức Đà-la-ni. Kinh Cận Thế vốn ở tay phát ra hương sắc, khổng v.v... trở xuống là bị đói khát ép ngặt: Một câu xưa nay đều không. Trí Giả đối với các văn dẫn dụng, cũng không có câu này. Khéo léo tập tuệ tức trí Nhất Thế Chủng. Như cứu lửa cháy đầu, Kinh Kim Quang Minh chép: thí như nam nữ bị lửa cháy đầu, như lửa cháy áo, phải dập cho lửa tắt ngay, nếu lửa chưa tắt thì chẳng được tạm an, sám hối cũng vậy. Ở đây chữ nhiên là đốt cháy. Lại nữa, Đại luận nói thí dụ dã can cứu đầu, gọi là cứu đầu. Nhiên thì chữ nhiên là từ ngữ. Rừng lạnh: Là rừng thi-đà. Luật Tăng-kỳ nói, rừng này có nhiều thầy chết, người vào đó lạnh như băng rất đáng sợ. Người tu hạnh đầu-đà, thường ở trong rừng này, vì dễ quán vô thường. Tư-na tức là người ấy. Vô ương số, tiếng Phạm là A-tăng-kỳ, Hán dịch là vô ương số. Sở từ nói thời giống như chưa quá nửa.

Vương Dật nói ương tận. Quán tâm v.v... trở xuống giải thích tâm mạch đối với ở giữa trước nói về trái tim bằng thịt là cảnh nhân duyên, kể là quán tâm lự tri để thành ba quán. Trái tim bằng thịt tức nhục đoàn tâm. Trong kinh Chánh Pháp Niệm như hoa sen sáng mở tối khép, tức là trái tim này. Sách thế tục nói là gang tấc vì trái tim này chỉ vuông một tấc, nhưng là chỗ nương của lự tri. Do nhục đoàn tâm bị bệnh nên lự tri điên đảo. Chủ của một thân, đề nghĩa là kinh nói: tâm là nhà vua, nghĩa trên v.v... trở xuống là nhân cho nên ở trong bách trọng, vì thế một thân sáu phần thấy đều do tâm. Quán thông suốt: Nghĩa là mới tu tập quán suốt dứt sắc tâm nên gọi là thông minh. Lại nữa khéo tu thiền này phát được sáu thông, ba minh trong nhân nói quả, nên nói là thông minh. Thiền này không có giai vị riêng, kể lại y theo Tứ thiền, Tứ không căn bản mà tu. Nay kinh quán tâm, tâm mạch tức là thiền này, nói tu chứng như Thiền Môn quyển tám. Hoặc không v.v... trở xuống: Đây là nói về tâm lự tri để thành quán không. Đối với trung quán trước lập cảnh, kể là vô tâm v.v... trở xuống là nói quán tất cả thế gian, tức mười cõi mỗi cõi đều có ba thứ thế gian. Đề từ tâm tạo: mười cõi là sở tạo, tâm là năng tạo, toàn sở là năng cho nên năng tạo là đầy đủ các pháp. Các thứ năm ấm, cũng nói về mười cõi. Đây đều là văn Kinh Hoa Nghiêm. Tâm không v.v... trở xuống: Là nói quán mười cõi là không. Y chánh đều do tâm cho nên quán tâm không thì các pháp không, như chặt cây được gốc, thì cành lá tự chết. Nói tâm vô tâm, chẳng có tâm không đều là một nghĩa, cho đến vô lượng các mạch, tức mười cõi mỗi cõi tâm mạch khác nhau. Tâm mạch v.v... trở xuống xem xét không giả trước, đều quy về tâm tánh, ba một viên dung, nên đều bất định. Chẳng phải không chẳng phải giả, nhất niệm chẳng được, cho nên chẳng phải giả, trăm cõi rõ ràng cho nên chẳng phải không. Thế nên không giả chẳng lia tâm tánh các mạch, cũng chẳng phải không chẳng phải giả. Các mạch đều do tâm tạo, cho nên các mạch đều là tâm. Vì thế tâm tức trung cho nên các mạch cũng trung, tức là viên quán tâm mạch. Tổng kết văn trước, đều thành Viên quán. Hành nhân v.v... trở xuống là dùng sự giải thích rõ chịu khổ báo, và tu pháp lành trời người, dùng quán không trải qua nhị thừa, dùng quán giả trải qua Bồ-tát ba giáo. Ba quán dung tức vốn ở viên nhân. Sáu chẳng đời cạn, nghĩa có thể nhiếp chung. Nếu có năng quán v.v... tức là giải thích câu quán tâm tâm mạch. Năng quán tức quán chữ, sở quán tức tâm, tâm mạch. Đã nói một chỗ, một tức không, thế tức ba thứ, âm là cơ duyên cho nên thuộc về giả, chẳng bị hai bên ràng buộc. Cho nên nói giải thoát là nghĩa Trung quán. Và lại nói v.v... trở

xuống đây là giải thích phục nan, nên nạn rằng nếu văn kinh này đối ba quán vì sao kết nói thành A-la-hán ư ! Cho nên nay giải thích rằng đây nói về mười hạng người. Hai thứ trước đặc đạo thành La-hán Tiểu thừa, cho đến thành Đại thừa La-hán viên đốn. Như Kinh Pháp Hoa nói: Nay chúng ta thật là A-la-hán, khắp đối với trong ấy nên thọ cúng dường, thì viên nhân cũng gọi là La-hán. Cho nên chẳng có lỗi. Nói rộng văn kinh nên chia làm hai. Ban đầu từ vì sao v.v... trở xuống là nói phương tiện, hai từ an tường v.v... trở đi là nói tu chứng. Thiền pháp tức thứ lớp thiền môn. Vân vân: là đầy đủ năm duyên, trách năm dục, bỏ năm cái, điều năm việc, hành năm pháp, vì thế có hai mươi lăm thứ, cho nên thiền môn nói: phương tiện là tên khác của tu học khéo léo. Hành giả đối với sơ duyên khéo léo tu tập nên gọi là Phương tiện. Sự lý đều giải cả hai, như Chỉ Quán nói về quán tâm, giải thích phương tiện tức lý giải. Trong thiền môn chỉ có sự giải. Điều năm việc: Là điều độ việc ăn uống, chẳng để quá đói, quá no, điều độ ngủ nghỉ chẳng để ít quá, nhiều quá, điều thân khiến chẳng để chậm, chẳng để mau, điều hơi thở khiến chẳng khò khè chẳng gấp gáp, điều tâm khiến chẳng nặng nề chẳng rong ruổi. Nhưng năm việc này thì ăn ngủ điều phục ngoài định, ba thứ sau thì đều phục trong định. Nay kinh đối với năm việc chỉ nêu bày hợp điều. Ba phương tiện: Nói theo cốt yếu thì hành giả phải có hai mươi lăm pháp, đủ như thiền môn. Bắt đầu ở ba việc v.v... chính là nói kinh này từ ý cốt yếu. Kinh Đại Tập chép: Ca-la-la thời có ba việc, một là mạng, hai là noãn, ba là thức. Hơi thở ra vào gọi là thọ mạng, không hôi thối, không vữa nát gọi là Noãn, tức là nghiệp giữ gìn hỏa đại. Các sắc như địa, thủy, v.v... chẳng hôi thúi, chẳng vữa nát. Trong đây tâm ý gọi là thức, tức là sát-na giác biết tâm, ba pháp hòa hợp từ khi sanh đến khi lớn lên không thêm không bớt. Người ngu không rõ, đối với trung vọng chấp ngã, nhân, chúng sanh, gây ra các hành nghiệp, tâm sanh đắm nhiễm, điên đảo nhân duyên, qua lại ba cõi gọi là mê. Nếu tìm nguồn gốc nó, chẳng ngoài ba pháp này gọi là giải. Tu sáu chữ này, tức là muốn tu sáu diệu môn, cho nên phải dùng đây làm phương tiện trước. Đoan thân: Là ngồi thẳng, chính là nói về giới, giới để ngăn ngừa thân, miệng, cho nên nói về đoan thân. Chế định tâm loạn cho nên nói về chính tâm. Tuệ có công năng niệm niệm phân biệt cho nên nói về nối nhau. Dương trên âm dưới, như trời đất. Đây là thế tục đã dùng. Bên phải v.v... dương trở xuống là nói Phật pháp tiêu biểu cho ý đối, phải dương trái âm, như trước đã chép. Muốn tương đẳng, âm tiêu biểu cho định, dương tiêu biểu cho tán, tán là định chướng. Cho nên âm trên dương dưới. Thế tục đã có

oai nghi, tức tay trái áp lên tay phải là oai nghi thế tục. Đây là ở dưới nêu tiêu biểu cho thô ác, tức bảy chi tội lỗi, từ quyền bày thật là tự theo. Trước để tay phải ở dưới, như trước thi quyền, sau để tay phải ở trên, như sau bày thật. Giới này v.v... trong mười hạng người, chỉ y theo người mà nói tuệ, lại phải phân biệt trong phân đoạn thì bảy người là quyền, một người là thật. Trong biến dịch thì một quyền một thật. Tuệ đã chẳng bình đẳng thì giới định tự khác nhau. Từ một v.v... trở xuống là giải thích tu chứng, chia làm ba. Ban đầu là nêu văn kinh. Đoạn này trải qua sáu môn nghĩa đầy đủ. Theo luận hành tướng đầy đủ ở bất định, chỉ quán và thứ lớp thiền môn. Là số môn, nghĩa là nhiếp tâm ở số, không để rong ruổi, gọi là tu số môn, thành tựu tức niệm, nghĩa là cảnh tỉnh tâm xoay chuyển từ một đến mười, chẳng thêm công lực. Bấy giờ nên xả số trước, pháp tu ở tùy môn. Nhất tâm nương theo hơi thở ra vào, suy nghĩ tâm duyên theo hơi thở ra vào, tâm trú trong duyên hơi thở. Cho nên kinh nói vô phân tán ý bình đẳng. Chẳng khò khè chẳng gấp rút v.v... nghĩa là tu chỉ thì chẳng niệm theo số, ngưng tịnh ở tâm. Cho nên nói chẳng khò khè chẳng gấp rút v.v... Như đứa bé v.v... là dụ cho tu chỉ tướng chẳng thô sáo, trơn láng. Đức bé, thiên Thượng Hiệt cho rằng nam gọi là nhi, nữ gọi là anh. Ở đây gọi anh là chung cho nam nữ. Giải thích tên, người mới sanh gọi là anh nhi. Trước ngược gọi là anh, đối với anh nuôi dưỡng bằng sữa. Hạ khứ là ba môn: Văn kinh từ ở tâm đoạn đến khứ ở chót mũi, là Quán môn, trở lại vào tâm căn tức hoàn môn, khiến tâm rõ tịnh gọi là Tịnh môn. Xích nhục v.v... trở xuống là giải thích riêng quán môn. Nhưng trong kinh nói nghĩa quán môn tức Thông minh thiền. Y theo thiền môn đã nói. Có tu có chứng. Thiền này đã không phân biệt thứ lớp địa vị. Lại y theo Tứ thiền mà nói về tu chứng, nay văn kinh này tức là tướng chứng của Sơ thiền giác chi. Thiền môn nói tướng chứng có ba, đó là sơ chứng, trung chứng, và hậu chứng. Nay kinh nói, như lưu ly chẳng xanh, vàng v.v... thì dường như trung chứng và hậu chứng. Muốn xét biết: Xin tìm văn kia. Hành nhân sơ tâm muốn tu tập thì nên y theo sáu môn thứ lớp trước tu số môn, tức như kinh nói: khoan thai đến từ từ, từ một đến mười. Số tức thành thì tu tùy tức, tùy tức thành thì tu chỉ, chỉ thành mới tu quán. Nếu theo sở nghi, có thể tu bất cứ một môn nào, không cần trước sau. Tứ đại mạch: Đối với Tiểu mà được tên, mười mạch trăm mạch gọi là tiểu mạch. Đường thứ tư v.v... trở xuống đại sư khẩu quyết rằng: Tâm như hoa câu vật đầu có bốn mươi mạch. Khẩu quyết chính là nêu sơ tâm. Chỉ nói bốn mươi chẳng nói bốn trăm bốn mươi. Kinh nói: lấy một trong các mạch, khẩu quyết nói thẳng đến chỗ

rốn gọi là gió Ưu-đà-na, Ưu-đà-na là trung, nên gọi mạch này là trung mạch. Lại lấy v.v... tức là trung mạch thẳng xuống rốn, lại từ rốn rút đến đầu mười mạch, cho nên kinh nói từ đại mạch ra đến dưới lưỡi. Khẩu quyết nói hơi thở ấy ra từ rốn, ra vào đến rốn diệt mất. Ở đây nói hơi thở ra đến đầu lưỡi cho nên hợp bốn mươi mạch trên với bốn đại mạch là bốn mươi bốn. Nên từ lưỡi đến mũi là phải thuận theo, đây là sự lầm lẫn về chữ. Tức giải thích văn kinh từ lưỡi mạch phát ra cho đến cuối mũi lại vào tâm căn, thẳng đến ở rốn. Giống như sông biển tuôn chảy. Khẩu quyết nói trong thân mạch như trăm sông chảy về biển. Gan thuộc mộc, cho nên khí màu xanh, phổi thuộc kim nên màu trắng, tỳ thuộc thổ nên màu vàng, thận thuộc thủy nên màu đen, tâm thuộc hỏa nên màu đỏ là sơ lược. Vì kinh chẳng nói không đỏ, nên các khí tụ về mũi, các khí tức mạch khí của năm tạng, đến mũi thì mất bản sắc màu xanh ấy. Chỉ như lưu ly trong suốt chẳng phải năm màu. Hơi thở tế tám tắc, ở đây giải thích văn kinh chính là dài tám tắc, tám tắc là hơi thở ra nhỏ nhiệm chẳng thô. Chánh là ngay thẳng, chẳng cong queo. Định sắp tán; Quảng Nhã nói tương phù. Thích Danh nói tương tưởng. Nay dùng hơi thở tám tắc phò trì cho sự tán loạn của tướng hộ. Tiêu biểu cho tám chính: Là tám sở v.v... cho đến chót mũi, hơi thở này từ miệng mà ra, từ mũi mà vào. Lại nhập tâm căn, từ đây thở ra lại vào mũi, đến tim. Đây là hoàn môn bất định. Chỉ quán nói tu hoàn đã biết quán từ tâm sanh, nếu chạy theo cảnh thì đó là chẳng hội bốn nguyên nên phải quán trở lại. Quán tâm ở đây nói hoàn nhập tâm căn tức phải quán trở lại. Nghĩa quán tâm, nay tâm minh tịnh, đây là tịnh môn bất định. Chỉ quán nói: tu tịnh, biết sắc tịnh cho nên chẳng khởi vọng tưởng phân biệt, thọ tưởng hành thức cũng vậy. Hơi thở vọng tưởng cấu, hơi thở phân biệt cấu, hơi thở thủ ngã cấu. Chính gọi là tu tịnh. Tóm lại nếu tâm như bốn tịnh, đó gọi là tu tịnh, nghĩa là kinh này làm cho tâm minh tịnh. Nhưng sáu môn đều có tu chứng hợp thành mười hai cho nên Thụy Ứng nói du chỉ ba, bốn xuất sanh ra mười hai. Ý mười khoa: Tức Đại trụ ở chùa Ngõa Quan ở Kiến Nghiệp, làm thượng thơ khiến không vui, lược rút ra pháp này thành mười khoa. Gọi là bất định chỉ quán, nay đề là sáu diệu môn.

Mười khoa gồm:

1. Phân biệt rõ ràng đối với các thiền.
2. Thứ lớp sanh nhau.
3. Tùy tiện nghi.
4. Đối trị.
5. Tương nhiếp.



6. Chung riêng.
7. xoay vãng.
8. Quán tâm.
9. Viên quán.
10. Chứng tướng.

Nay văn kinh này nói chỉ là thứ hai một khoa ý. Nếu đây v.v... trở xuống là nói quán môn của kinh này. Cho nên nói chung: vì chung mà nói, không phân biệt ba thừa. Nay ba v.v... trở xuống đã chưa khai hiển, phải nêu sự khác nhau giữa ba thừa. Cho nên phải sau riêng mới hiển bày chung ở trước. Cờ báu mạnh mẽ, phá phiền não chướng nên nói là mạnh mẽ, quý cực gọi là bảo, vượt lên gọi là cờ. Ngựa chạy mau chóng, hoặc vô thường v.v... nghĩa là các kinh khác hoặc trước quán vô thường. Cho nên có ba thứ, tướng của năm môn trong kinh không nói rõ. Ý Phật khó lường cho nên soạn ba thích. Năm chỗ dừng v.v... bất định Chỉ Quán nói: chỉ là diệu môn, hành giả nhờ đó mà dừng tâm, tức liền thứ lớp phát

Năm luân thiên:

1. Địa luân: tức địa Vị Đáo.
2. Thủy luân: tức các thứ thiền định, thiền căn phát.
3. Hư không luân: tức năm phương tiện người giác ngộ nhân duyên chẳng có tánh như hư không.
4. Kim sa luân: Tức kiến tư giải thoát vô trước chánh tuệ như vàng cát.
5. Kim cương luân: tức đạo vô ngại thứ chín có công năng dứt sạch kiết sử trong ba cõi, chứng tận trí, vô sanh trí, nhập Niết-bàn. Gọi chung là luân, mượn ví dụ mà được tên. Thiên môn nói: luân là chuyển. Như thế luân, nếu chuyển thì lìa đây đến kia. Văn kinh đã nói thường buộc niệm, giữ niệm tức là chỉ môn. Chỉ môn thì sanh ra năm luân. Cho nên nói tức là nghĩa ấy. Nay nói pháp môn Niệm Phật, nhưng năm môn thiên thì thiên kinh thường nói, hai xuất xứ khác nhau. Nay Sư dùng Thiên kinh, thực hành pháp môn Niệm Phật mà không nói giới phương tiện. Vì kinh này tự nói đặc định niệm Phật. Còn bao nhiêu trở xuống bốn môn kinh luận đều đồng. Từ tâm v.v...tức đẳng thủ sở trị. Nghĩa là niệm Phật trị ngũ ngũ chướng đạo, sở tức trị tán loạn v.v... còn Tỳ-đàm v.v... là nói kia nói năm môn, khác với kinh này. Năm môn của kinh này có thể đồng với Thiên kinh, vì đều có niệm Phật. Giới phương tiện phá ngã kiến, luận ấy nói hành giả kiến chấp dùng giới phương tiện, người ngu chẳng rõ. Tức nghiệp phiền não chứa nhóm năm ấm, đối với duyên

chấp ngã, nên đối với tự thân dùng giới phương tiện quán sát, các thứ tánh nghiệp tướng cho rằng sáu giới như Địa v.v... Địa giới được thủy giới thấm nhuần cho nên không lìa, thủy giới không lìa địa giới giữ gìn cho nên chẳng chảy, hỏa giới thành thực cho nên chẳng ư hoại, phong giới động cho nên thêm lớn, không giới không cho nên ăn được ra vào, có thức giới cho nên có sự tạo tác, đều do các duyên. Cho nên biết vô ngã đếm hơi thở v.v... là năm môn, đấng thủ bất tịnh, nhân duyên từ tâm thì không niệm Phật. Đó là nhân duyên bình đẳng: nghĩa là trong Tỳ-đàm giới phương tiện phá ngã, là nghĩa quán nhân duyên của Thiền kinh. Vì nhân duyên có ba thứ nên mỗi thứ phá khác nhau, một là nhân duyên ba đời phá đoạn thường, ba đời nối nhau cho nên chẳng đoạn, ba đời thay đổi cho nên chẳng thường, hai là nhân duyên hai đời phá ngã, nghĩa là hai đời hiện tại, vị lai có đủ mười hai nhân duyên. Đối với cha sanh yêu thương, đối với mẹ sanh tức giận, gọi là vô minh, đối với di thể của cha cho là của mình, gọi đó là Hành. Từ thức chi cho đến chi già chết: Là đồng với ba đời. Ba thứ, nhất niệm phá tánh như vẫn ở dưới chếp, cho nên biết ba thứ này đều mê đắm các tà kiến, chẳng ra khỏi sanh tử, vì thế gọi chung là ngu si, cho nên nhân duyên phá si đã có đủ nghĩa phá ngã. Năm môn của Tỳ-đàm nói giới phương tiện phá ngã trở thành phiền trưởng, đối với phá chương đạo vẫn thiếu niệm Phật. Cho nên nay y theo Thiền kinh mới là đầy đủ, là ý nghĩa phù hợp với kinh này. Cho nên nói là thực hành niệm Phật v.v... Vô thường v.v... Ba thứ trước như vừa rồi sơ giải thích. Vô ngã tức chẳng chấp trước năng quán vắng lặng, tức tìm cầu năng quán cho đến chẳng thật có. Nếu năm kinh ở dưới nói từ đầu đến chân mỗi phần đều tiết giản, đều phải giữ niệm. Đầu v.v... là sắc, giữ niệm là định. Lại nữa, năm luân nhờ chỉ mà phát cho nên thuộc về định, dùng cả định tuệ, năm chỗ dừng tâm là định, năm chỗ quán sát là tuệ, lại nữa, sở tức là định, bốn thứ kia là tuệ. Lại nữa v.v... trở xuống là nói khai hợp. Năm môn, sáu diệu là sự khác nhau về khai hợp. Cho nên biết rằng tu năm môn thiền tức là nghĩa sáu chữ. Lại nữa, năm, sáu đây chỉ là năng trị, năng chẳng cô lập, đối với sở được tên. Sở trị là gì? có chỗ nói là ba chương, hạn chế năm, sáu để thành ba chương. Nêu ra tùy môn và chỉ môn, sở tức đã đương sở môn, tức ba diệu môn. Tức có ba thứ, hoặc y theo thiền môn nói ba thứ: sở tức, tùy tức, quán tức. Nay nói về quán môn riêng có sở đối. Cho nên chỉ dùng chỉ môn trong phương tiện sở tức, đều tùy nghĩa tiện chỉ, tức chẳng niệm sở, tùy ngưng tịch ở tâm ấy. Vì nói về sở tùy mà tu chỉ. cho nên nay lấy chỉ môn trong sở tức. Bất tịnh phân biệt sáu tham, mỗi mỗi

tu quán từ tâm phân biệt chín phẩm, mỗi mỗi đều cho vui. Hai thứ này y theo quán chiếu nghĩa tiện, đối quán diệu môn. Nhân duyên phương tiện là hoàn môn, nhân duyên phá các kiến chấp đoạn, thường v.v... Hoàn môn tức trở lại quán nguồn tâm. Bốn câu xét tâm cho đến không thật có, tức phá các kiến chấp đoạn thường v.v... cho nên biết nhân duyên tức là hoàn môn. Niệm Phật đã chung cho ba thân, nay lấy niệm Pháp thân đưng tịnh môn, vì tịnh môn chẳng khởi vọng tưởng, các tâm cấu không có chỗ nương gá, tức là thấy lý pháp thân. Lại nữa, hiệp trở xuống là năng đối với sở kết nên thành ba chương, thán tức là gió quả báo v.v... thiền môn nói trong đẳng phần giác quán loạn pháp tức là bốn ấm thô nên gọi là báo chương. Từ tâm bất tịnh nhân duyên: Là từ tâm trị sân, bất tịnh trị tham, nhân duyên trị si. Ba độc này tức là tập nhân phiền não chương. Niệm Phật trị chương đạo, tức là nghiệp chương. Số đều thiếu vắng. Giác quán ba thứ: Một là giác quán trong tâm minh lợi, nghĩa là đối với khi tu định thì trong ba độc cũng không có duyên, hoặc duyên tham, hoặc duyên sân, hoặc duyên si, mà việc sở duyên phân minh rõ ràng, hai là nửa sáng suốt, nửa mê muội. Trong tâm giác quán sáng suốt thì giác quán duyên tư tưởng, chẳng trụ mê muội thì vô ký. Nhìn kỹ không hiểu rõ gì. Ba là hoàn toàn hôn trầm trong tâm giác quán, nghĩa là tâm tối tăm như trong lúc ngủ nghỉ mà khắc khắc phan duyên, giác quán chẳng trụ thì có ba trị:

1. Minh lợi: dạy đếm hơi thở, pháp đếm hơi thở là ghi số trong tâm hôn trầm, trị khiến minh lợi.

2. Nửa mê mờ nửa sáng suốt nên dạy theo hơi thở ra vào, tâm thường nương vào hơi thở. Nếu chỉ quán hơi thở thì có lỗi, tối tăm, chẳng rõ khéo đối trị.

3. Hôn trầm, nên dạy quán hơi thở tìm cầu cội nguồn, ra không phân tán, vào không chứa nhóm, chẳng thấy tướng định, mất tâm liên mở. Phá đối với hôn trầm. Nhuế có ba v.v... thứ trở xuống: Văn thiếu, chú thích vân vân.

Ba thứ gồm:

1. Sân phi lý: nghĩa là khi tu định sân giác chợt khởi thì bất luận là lý, phi lý kia phạm chẳng phạm.

2. Sân thuận lý nghĩa là người ngoài thật đến khuấy rối.

3. Tranh luận sân: nghĩa là cho sự hiểu biết của mình là đúng, cho chỗ hiểu biết của người khác là sai, lời người nói chẳng thuận lòng mình, tức tâm tánh não giác. Dục có trong ngoài, tức trong ngoài để thành ba thứ: 1. Ngoại tham dục: nghĩa là khi tu định tâm tham dục sanh,

nam liền duyên nữ, nữ liền duyên nam, chấp lấy sắc mao kia v.v... 2. Nội ngoại tham dục, nghĩa là chẳng phải tham nam nữ bên ngoài, lại tự duyên hình mao của mình, xoa đầu, vuốt cổ, niệm niệm đắm nhiễm 3. Biến nhất thế xứ tham dục, nghĩa là chẳng phải chỉ yêu đắm nội ngoại chánh báo, mà đối với tất cả năm trần y báo đều khởi tham. Si có tánh đoạn thường, đây cũng có ba thứ:

1. Chấp đoạn thường.
2. Chấp hữu vô.
3. Chấp thế tánh.

Ba thứ này đều là mê đắm các tà kiến, chẳng ra khỏi sanh tử, nên gọi chung là ngu si đoạn thường, suy tìm ba đời, nếu diệt thì đọa vào chấp đoạn, nếu nói chẳng diệt thì đọa vào chấp thường. Hữu vô nghĩa là các pháp như Ngã và ấm, v.v... là quyết định có ư! thế tánh là do có vi trần cho nên có thật pháp. Có thật pháp cho nên có bốn đại, có bốn đại cho nên có giả danh và các thế giới. Nghiệp có ác cảnh trầm phù, là ác, nghiệp chướng đạo, cũng có ba thứ:

1. Chướng trầm hôn ám tế: nghĩa là khi tu định bị hôn trầm, thù miên, vô ký, trũng tao, không thể phân biệt biết rõ. Chướng các thiên định.

2. Chướng ác niệm tư duy: nghĩa là tuy chẳng hôn trầm mà tâm ác niệm sanh. Hoặc nghĩ đến các dục pháp như mười điều ác, bốn tội trọng, năm tội nghịch, phá giới, hoàn tục v.v...

3. Chướng cảnh giới bức bách: Nghĩa là thân hoặc chợt đau đớn biết có việc ép ngặt, thấy các cảnh bên ngoài, hoặc thấy không đầu, tay, chân v.v... hoặc trong mộng lại thấy các ác tướng trị pháp, cũng đều có ba thứ. Sân si đã có ba thứ, đối trị cũng có ba:

1. Trị sân phi lý, nên khiến tu chúng sanh duyên từ, nghĩa là nói về trong thân thuộc, oán đều khai ba, cộng thành chín phẩm, Quán tướng đều khiến được an vui, dùng tướng vui của người khác sanh ra ái niệm, để phá tâm sân não tán hại trong chúng sanh.

2. Sân trị thuận lý: nên dạy tu pháp duyên từ, nghĩa là quán năm ấm hư giả chẳng thấy chúng sanh, đâu có việc đúng sai, chỉ duyên pháp lạc trong các thọ. Vì cho người nên từ tâm ái niệm chẳng nên thêm não, thì phi đã hết thì tâm sân tự dứt.

3. Trị sự tranh cãi đối với tất cả pháp cho nên sân, nên dạy tu vô duyên từ. Thực hành từ này thì đường nói nặng dứt, chỗ tâm hành bật. Đối với tất cả pháp chẳng nhớ, chẳng nghĩ. Nếu chẳng nhớ nghĩ thì do đâu tranh tụng mà sanh tâm sân. Đại từ bình đẳng cùng cho vui

vốn thanh tịnh. Trị ba thứ tham: Chín tướng trị trong, bối xả trị trong ngoài, đại bất tịnh trị tất cả nơi. Trị ba thứ si, nhân duyên ba đời trị đoạn thường, hai đời trị chấp hữu vô, nhất niệm trị thế tánh. Trị ba thứ nghiệp chướng, niệm ứng Phật nghĩa là tâm duyên ba mươi hai tướng v.v... Trị chướng tối tăm bất lập. Niệm báo Phật nghĩa là tâm duyên lực vô úy v.v... trị chướng ác niệm tư duy chướng. Niệm pháp Phật nói về tâm duyên pháp tánh vắng lặng, trị chướng cảnh giới ép ngặt. Thuốc và tướng bệnh đối thành ba mươi thứ, đầy đủ ở thiền môn quyển bốn. Nói về úy thuyết trong nội phương tiện. Cho nên nói đầy đủ như thiền môn, đều chú thích v.v... chỉ cho ở văn kia. Chẳng dùng những cách trị này là: Chẳng dùng mười lăm thứ sự trị vừa nói. Như huyền như hóa, tức văn dưới đây mười dụ nhập vào mé thật, tức văn dưới đây tìm bốn đại, mỗi mỗi vào trong mé như thật. Đây tức kinh này chỉ dùng Đệ nhất nghĩa, Bát-nhã chánh quán có công năng trị cả mười lăm thứ bệnh. Đại thừa nói có Tam-muội trị được ba độc, tức là kinh này nói nhất không vô tướng, chánh quán Đệ nhất nghĩa tất-đàn. Chánh quán trị được ba thứ tham, trong tâm chánh quán nói đường nói năng dứt, chỗ tâm hành bất. Tịnh Danh nói: Sao gọi là hơi thở phan duyên? nghĩa là tâm vô sở đắc. Chánh quán trị ba nghiệp chướng, Phổ hiền Quán nói: Ngồi thẳng niệm thật tướng là sám bậc nhất, cho nên chánh quán làm sao cạn kiệt, thuốc có công năng chữa trị các bệnh. Cho nên nói vào mé thật để trị khắp. Tư-na nghe v.v... trở xuống, đây thuộc về phần thứ ba nói sáu căn sáu chữ, văn nghĩa mắt xích nối nhau. Cho nên xét theo hai hướng.

**Kinh nói:** Lúc bấy giờ, Ưu-Ba-tư-na nghe lời nói rồi thân như lửa đốt v.v... liền phân biệt với Thanh Văn quán vô minh, hành v.v... liền phân biệt với Duyên giác hoặc nhập định vắng lặng, liền phân biệt Bồ-tát. Cho nên nói phân biệt sáu môn của người Ba thừa. Vàng là tuệ: Là giải thích thân màu vàng ròng. Vàng quyết đoán được tuệ, có công năng dứt hoặc, vì năm phần có tuệ thân, nên nói là thân. Ba thừa v.v... trở xuống là nói chung ba thừa, đều có tuệ tức không. Cho nên đồng nhập chân lý. Lợi căn được độ thì thấy Trung đạo. Cho nên nghĩa bậc nhất chẳng có sâu cạn. Thứ ba là chia kinh làm năm:

1. Tư-na hỏi.
2. Thân tử đáp:
3. Nghe pháp ngộ đạo.
4. Thân tử bạch Phật.
5. Thuật thành công dụng.

Liên đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Sách lễ nói thỉnh ích khởi thỉnh ng-

hiệp khởi, Tư-na đầy đủ oai nghi nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Nghi lễ này ở hai cõi đồng nhau, tức có ba thứ, nghĩa là thuận sắc, nghịch sắc, bình bình sắc. Ban đầu lúc nhất niệm v.v... tức là tâm vương rõ được tướng chung, nghĩa là thức vừa khởi, chỉ duyên tướng chung như xanh, v.v... Cho nên nói vào một niệm đầu tiên, vì chưa tướng ứng với tham v.v... nên gọi là độc đầu. Phụ Hành chép: Thắng vậy chương lý gọi là Độc đầu vô minh. Một niệm chuyển v.v... tức là tâm sở rõ ràng tướng riêng, nghĩa là kế đó chấp lấy cảnh tượng, tức tâm tướng, kế là lãnh nạp cảnh trước, tức là thọ tâm, tức là khởi các phiền não như tham v.v... tạo tác, tức là hành tâm. Cho nên nói nhất niệm chuyển v.v... Phụ Hành nói: hợp với các sử gọi là tướng ứng vô minh. Nếu thuận v.v... trở xuống là nêu tướng ứng tướng vô ký, tức là si. Chẳng khiến ba thứ tâm khởi, chỉ đối với ba sắc mà sở tức, nên tâm tham, sân, si chẳng khởi. Luận Tỳ-đàm nói ba tạng hữu môn, trong bốn môn lược nêu hai môn. Đây nói về thừa Thanh Văn hoặc quán v.v... trở xuống là nói nhất niệm mười hai nhân duyên. Kinh Đại Tập chép: do mắt thấy sắc nên sanh tâm ái, tức là vô minh làm ái, tạo nghiệp gọi là hành, dốc lòng chuyên niệm gọi là thức, thức và sắc hành là danh sắc. Sáu chỗ sanh tham là sáu nhập, do nhập cầu ái gọi là xúc. Tâm tham đắm gọi là thọ, ràng rịt chẳng xả gọi là ái, cầu các pháp gọi là thủ, pháp ấy sanh gọi là Hữu, thứ lớp chẳng dứt gọi là Sanh, thứ lớp dứt nên gọi là tử. Nhân duyên sanh tử các khổ ép ngặt gọi là não. Cho đến ý duyên pháp trần cũng vậy. Y cứ pháp tướng ứng trước thân sau ý. Văn kinh này trước nói ý sau nói thân. Cho nên nói chẳng thứ lớp. Các tướng điên đảo v.v... cũng nói về ý căn. Tướng: Là tướng sở. Năm căn như tai v.v... đều có ba thứ tướng ứng nhiếp trụ, dụ như nhãn, rất dễ biết. Cho nên sơ chẳng nói. Nay nói dưới đây giải thích thân căn, năm căn nhỏ nhiệm, đối thân tức thân căn thô lớn, nếu ý căn lãnh nạp thì giải thích năm căn đều nương vào thân căn pháp trần. Ý căn suy nghĩ năm trần, tức là lãnh nạp pháp trần. Đã trống rỗng có các xúc ấy chẳng phải thật đối với các cảnh như sắc v.v... Nhưng khi tâm suy nghĩ sắc v.v... thì nhãn v.v... là luống dối. Có các xúc như sắc v.v... Văn thừa đến hai chữ. Nếu không như thế thì trống rỗng, trở xuống thiếu hai chữ lãnh thọ. Cho nên nói dưới nhắc lại kinh. Vì vậy mà biết kinh nêu năm trần đều là tâm ý nghĩ ngợi, là thuộc về pháp trần, tướng ứng với sự trơn láng, tức là khi tâm suy nghĩ thì luống thọ các xúc. Cho nên kinh nói: thức này là giặc cho đến duyên khắp các pháp. Tổn hại chân tánh gọi là giặc, phan duyên chẳng dừng nghĩ nên gọi là như con khỉ chuyền cành. Duyên khắp các pháp tức là nghĩ về năm trần.

Thân đã luống thọ các xúc. Cho nên đoạn văn kinh này, chỉ là nói thân căn nhĩ thông biệt viên ý, thông rõ căn trần tức là không. Biệt nói giả danh, Viên nói Trung đạo, đều là nhiếp, trụ. Thế thì mười thứ hành nhân đều nói về nhiếp trụ. Trước nói về sự giải tức thuộc về khổ báo. Người gấp tu pháp lành thế gian. Người như thật nên nói không vững chắc, thể đất vốn luống đối vào mé như thật, tức không vững chắc. Thông giáo v.v... trở xuống là nêu pháp quán, có ở cả Thông, Biệt, Viên cho nên nêu nghĩa Thông, các pháp khác cũng có thể rõ. Hữu kiên nên nói vô kiên, đó là sự lầm lẫn về chữ. Lại bốn v.v... trở xuống là phá bốn kiến nêu nghĩa vô kiên, nghĩa là nếu y theo ba tạng bốn môn sở kiến thì đều thành chấp chặt, đâu được vô kiên. Lân hư là hạt bụi rất nhỏ, gần như hư không, gọi là lân hư trần. Tỳ-đàm chia chẻ sắc, lân hư chẳng diệt, tức là hữu môn. Thấy không tức là không thấy. Thành luận chia chẻ sắc gần với hư không cũng diệt, tức là không môn. Cho đến bốn câu, cả hai trường hợp cũng như luận Côn-lặc, nhưng chẳng phải như kinh Ca-chiên-diên. Chấp chặt sâu v.v... nghĩa là chia chẻ hạt bụi đến gần với hư không tức địa là hữu, hữu tức thật, thật là nghĩa kiên. Nếu nói địa là vô, cả hai trường hợp cũng đều chẳng phải sự thật, ngoài ra đều nói dối. Tà chấp này đều là nghĩa Kiên. Cho nên nói mê đắm sâu xa chẳng thể xả bỏ v.v... đã lìa bốn lỗi cho nên tìm cầu chẳng thật có, tức không có tánh kiên. Cho nên bốn câu nương Kiên phá chấp. Nước chẳng trụ bốn câu, nghĩa là nước là hữu, hữu tức là trụ, cho đến nói rằng nước chẳng phải hữu, chẳng phải vô, cũng tức là trụ. Nay chẳng trụ hữu bốn câu, cùng chẳng trụ vô trong bốn câu, cũng chẳng trụ trong chẳng thể nói. Nói tánh nước không trụ, gió không trở ngại v.v... quán gió là hữu, hữu là ngăn ngại, cho đến nói gió cả hai chẳng phải, đều là trở ngại, cho nên nói đâu không có bốn câu chất ngại. Nay quán không bốn câu, cho nên nói tánh gió chẳng trở ngại, không nói lửa lớn, là văn lược bỏ. Nên nói lửa chẳng từ tự sanh, cho đến chẳng từ vô nhân sanh, vốn không tự tánh, nhờ duyên mà có. Cho nên nói tánh lửa chẳng thật. Ở đây nói bốn đại vốn luống đối: Tức sắc ấm nhập vào mé như thật. Bốn ấm còn lại văn kinh cũng lược. Chỉ ví dụ sắc ấm mà thôi. Cho nên nói thọ, tướng, hành thức v.v... Nếu muốn tìm cầu thì nên nói thọ chẳng lãnh nạp, tánh chẳng thật có. Hoặc nói thọ là hữu, hữu là lãnh nạp. Cho đến nói thọ là phi hữu, phi vô cũng là lãnh nạp. Cho đến thức là liễu biệt cũng vậy. Kinh nói tất cả tánh tướng, tức tánh tướng đều không, câu suy tìm không thật có, là tánh không, cũng chẳng trụ không bốn câu, là tướng không. Cho nên văn kinh nói về năm ấm nêu bày, vì tất cả chúng

sanh đều là sự hiện tiền của năm ấm, cho nên dùng ấm làm cảnh quán. Kinh nói đều vào mé như thật. Năm ấm đều không cho nên nói thấy đều v.v... Nghĩa như thật nên có ở cả bốn giáo. Đồng gọi là mé thật mà có sự khác nhau về không. Các hết tặc v.v... phiền não kiến, tư trói buộc giặc hại đối với hành nhân. Hoặc nói về ba kiết giải thích nghĩa, tức nghi, thân kiến, giới thủ gọi là ba kiết. Thân nầy phát ra lửa, tức kinh nói trong thân phát ra lửa. Chỉ có lửa vô lậu, người trí tuệ chỉ tu quán vô lậu để dứt hoặc, chẳng tu các thiền như quán luyện v.v... cho nên không có thần thông thì chẳng thể hóa lửa đốt thân. Người có lửa sự lý thì dùng quán vô lậu để dứt hoặc là lý hỏa, tu sự thiền phát thần thông có thể hóa lửa đốt thân là sự hỏa. Phược là phiền não, nhân quả phược tức nương vào thân để có thể hóa lửa cho nên đốt cháy quả phược. Thâu nhật xá-lợi, Tân dịch âm là Thiết-lợi-la, Hán dịch là Thân cốt, có nguyên, có nát. Nát thì như rau cỏ hạt dẻ. Nay ở đây là toái thân. Trên đó xây tháp, tiếng Phạm là Tháp-bà, Tân dịch âm là Tốt-đổ-ba, Hán dịch là Miếu. Hoặc nói phương phần, đây là dịch nghĩa. Thấy Phật mười phương là Thanh Văn, tức kinh nói trong lỗ chân lông thấy Phật. Hỏi Tiểu thừa không nói có Phật mười phương. Vì sao nói thấy Phật mười phương là Thanh văn ư! Đáp: trong Tiểu thừa có các bộ khác nhau cũng có bộ tin Phật mười phương, tức là người tiểu thừa tu thiền thứ tư. Bờ mé định lực thấy Phật mười phương v.v... phá ác. Thành Bích-chi-Phật, tức kinh nói: mười hai nhân duyên quán vô minh v.v... thấy đều không thật, gọi là phá ác. Kinh nêu mười ví dụ đều dụ nhân duyên tức không. Lửa bốc lên khi trời nóng là dương diệm. Đi trong chỗ trống vắng, gió thổi cát bụi cho nên đối với chỗ đồng trống giống như ngựa chạy. Thành Càn-thát-bà, trong Hoa Nghiêm Âm Nghĩa của Pháp sư Tịnh Uyển nói thành Càn-thát-bà, Hán dịch là Tâm hương thành, là giữa núi Thập bảo có thần âm nhạc, gọi là Càn-thát-bà. Các vị trời Đao-lợi ý thích âm nhạc. Vị Thần này có thân tướng khác lạ, tức biết ý trời đến đó vui chơi. Nhân việc này, Tây Vực gọi người đánh nhạc là Càn-thát-bà, người đánh nhạc kia thường huyễn hóa ra thành quách, trong chốc lát trở lại như cũ. Do đó cho là rồng đã hiện ra thành quách, thành của Càn-thát-bà do người đánh nhạc kia làm ra. Như huyễn: là như nhà ảo thuật huyễn hoá ra voi ngựa, như biến hóa là như người được thần thông hóa hiện các thứ. Trụ bất thối: là Bồ-tát, tức như văn kinh nói hoặc nhập tịch định trở đi. Ở đây chỉ nói về Thông mà chung cho cả Biệt Viên. Vì có tiếp. Đồng chân tức Viên. Sơ Trụ niệm bất thối cũng gọi là Phục. Kết thành ý, tức vừa rồi kinh nói nếu người có áo mặc thân như lưu ly v.v... Nay nêu văn



này là kết thành ý sáu môn của ba thừa. Số văn từ trước nêu văn ba thừa trong kinh. Sau mới chỉ ra một đoạn văn kinh. Cuối cùng là ý kết thành, kinh đầy đủ giới định v.v... tức thành năm phần pháp thân. Ngừa quấy ngăn lỗi gọi là giới, dứt duyên lự tịnh gọi là định, quán hữu vô gọi là tuệ. Rốt ráo thanh tịnh chẳng dính mắc hữu vô gọi là giải thoát. Đối với tất cả cảnh trí thấy hiện rõ gọi là giải thoát tri kiến. Năm thứ này làm thành nhân của thân gọi là phần. Đáng làm phép tắc gọi là pháp. Có ba nghĩa thể, y, tụ gọi là thân, dùng năm thứ này nên gọi là pháp thân. Chính là nghĩa Ba tạng chung cho cả bốn giáo. Thân xuất ra nước lửa, tức hiện mười tám biến, trên thân phát ra nước, dưới thân phát ra lửa. Phát ba thứ tâm thanh tịnh tam-Bồ-đề, đạo tâm ba thừa. Trong mộng v.v... mộng tức Tam-muội Như mộng. Tam-muội thành thì sẽ thấy Quán Thế Âm tức tương tự phần chân vị nhân. Như gió mạnh v.v... Tam-muội như gió dữ, hành vi ác như mây đen. Sanh trước Phật tức Sơ Trụ ra khỏi Thánh thai. Đây là nói về lý giải thích. Hoặc giải thích theo sự tức vắng sanh về cõi tịnh ở trước Phật, hoa sen hóa sanh. Cho nên kinh nói hoa sen hóa sanh là cha mẹ. phần lưu thông: Số văn không giải thích. Nay chia riêng làm năm: Là khen ngợi, phó chúc, chia làm hai: a. Văn xuôi. b. Kệ tụng. Chia làm hai: Thất ngôn kệ, phó chúc, chia làm ba. Mười hai hạnh phó chúc, là trong văn giữ gìn chánh pháp. Ý phó chúc là ở bốn vương, Đông nam thì phó chúc chánh chủ kia, Tây bắc thì phó chúc thần thuộc, người đứng đầu phó chúc thì các quan có thể biết. Các quan được phó chúc thì chủ có thể biết. ĐỀ-đầu-lại-tra, Hán dịch là Trì quốc: là giữ gìn cõi nước, an ổn chúng sanh, tức đông phương Thiên vương. Đẳng thủ v.v... là thống lãnh hai bộ quỷ thần, tức Càn-thát-bà và Tỳ-lâu-xà. Đây là nêu chủ thân thần. Thiên tử, Kinh Kim Quang minh nói tuy ở trong loài người mà sanh làm vua loài người, do trời che chở cho nên gọi là Thiên tử. Vương Túc nói: Vua tuy hiệu là Đế mà chẳng được xưng Thiên-đế. Gọi Thiên tử: Là con trời, con và cha tôn ty có khoảng cách xa. Pháp thân là quan có pháp độ, nên nói là Pháp thân. Phật dạy khiến che chở kinh. Như pháp thân che chở thiên tử. Ta sắc cho rồng dưới biển tứ hành, là thần thuộc giao phó hai phương Tây và Bắc. Phương Tây là Tỳ-lưu-bác-xoa, Hán dịch là Tạp Ngữ. Hoặc dịch là Xú Nhân, chủ lãnh hai bộ: Rồng và Phú-đơn-na. Rồng là loài cao hơn hết trong các thần. Cho nên phó chúc riêng. Y-la-bát, cũng gọi là Y-la-bạt-la, Y-la là tên cây. Hán dịch là xú khí. Bạt-la, Hán dịch là cực. Nghĩa là Rồng này xưa kia do làm tổn hại cây rất hôi thối này bỏ đi, đến nổi trên đầu sanh ra cây hôi thối này. Do đó mà đặt tên. Diêm-bà, Hán âm là Song-la-lợi,

Hán dịch là Khả Úy, tức vị thần thuộc thiên vương ở phương Bắc. Tỳ-sa-môn Bắc phương, Hán dịch là Phổ Văn, hoặc dịch là Đa văn, chủ lãnh hai bộ: Dạ-xoa và la-sát. Lại nói rồng dữ v.v... lại phó chúc thần thuộc phương Tây, rồng có bốn đốm nên gọi là rồng dữ, đó là nghe, thấy, khí, xúc. Có phát ra tiếng mới hại người, cho đến tiếp xúc người mới hại. Tỳ-lâu-lặc-ca, hoặc gọi là Tỳ-lưu-lặc-xoa, Hán dịch là Tăng trưởng, nghĩa là có khả năng làm cho gốc lành của mình, của người thêm lớn, tức thiên vương nam phương chủ lãnh hai bộ: Cung-bàn-trà và bế-lê-đa. Đây cũng là nêu chủ đầu thần. Nan-đà-bạt-nan-đà, Nan-đà, Hán dịch là Hoan Hỷ, Bạt dịch là thiện, hai anh em này thường che chở Ma-kiệt-đà làm mưa thấm ướt, trong nước không có năm nào đói. Vua Bình-sa là nhất hội. Trăm họ nghe đều vui mừng, do đó mà được tên. Từ Ân nói thứ nhất tên Hỷ, kế tên Hiền hỷ, hai anh em này khéo hợp lòng người, gió chẳng gãy cành, mưa chẳng lở đất. Ban đầu làm cho người vui vẻ, sau tánh lại hiền hòa vui vẻ, nên lấy đó làm tên. Sa-già-la từ biển mà được tên. Từ Ân nói là rồng của biển mặn. Ưu-ba-đà, cũng gọi là Ưu-bát-la, Âu-bát-la, Hán dịch là Đại sắc hoa sen, rồng nương theo hồ mà được tên. Từ Ân nói hoa sen hồng mọc ở hồ là tên. Đế-thích: tiếng Phạm là Thích-ca-đề-bà nhân-đạt-la. Thích-ca là họ, Hán dịch là Năng. Đề-bà là thiên, nhân-đạt là đế. Chính là nói Năng Thiên-đế. Thích-đề-hoàn-nhân là trời Đế-thích, đều là lằm. Vị này trụ tên đỉnh núi Diệu Cao, là vị vua đứng đầu ba mươi ba tầng trời. Các trời là ba mươi ba. Hiếu tử, hiếu là thuận. Đạo thờ cha mẹ thường ở trong tâm. Vì ở tâm cho nên thuận theo nhan sắc. Chính người dẫn dắt nếu mắt tự mở sáng thì không cần dẫn dắt. Gọi là cần mắt. Lại nữa, y theo mắt chưa mở thì phải nhờ người dẫn dắt mới khỏi rơi vào chỗ hiểm. Đoạn văn kinh này gồm có năm thí dụ, đều thí dụ người trì kinh. Đó là:

1. Đế-thích.
2. Cha mẹ.
3. Tài bảo.
4. Nhân.
5. Chính đạo.

Chỉ lấy che chở tâm chuyên làm nghĩa. Hai ngã sắc v.v... trở xuống là nói trái thuận tổn ích, chia làm hai. Một là nói trái giáo làm tổn quỉ thần, Thi Tử nói: Thiên thần gọi là Linh, địa thần gọi là kì. Nhân thần gọi là quỉ. Người ác, miệng ác là ba nghiệp không lành gọi là người ác mà nêu riêng khẩu nghiệp, vì miệng hay chê bai cho nên khởi, bất thiện là tu nhân, bạch lại là hoa báo, địa ngục là quả báo. Do

hai thứ này v.v... trở xuống là nói thuận giáo đạt được lợi ích, chia làm hai, một là phá ác ích, địa ngục, ngạ quỷ, khổ ấy rất nặng. Cho nên nêu riêng. Kinh nói không có tám nạn là gồm các đường khác, đây là phá ác ba chướng của sáu đường, hai là hậu sanh v.v... trở xuống là sanh thiện ích, chia làm hai: Một là nói sanh thiện, chia làm hai.

1. Tự hành thiện.

2. Là thí khắp v.v... trở xuống thuộc hóa tha thiện.

Tất cả là mười cõi, an vui hoàn toàn là ba đức Niết-bàn. Y theo năm tức nói về nghĩa thí khắp tu Thập địa, tức Thập Trụ của Viên giáo đất từ sở y mà được tên, lại biệt địa tức Viên trụ.

Là ngã từ v.v... trở xuống, là dẫn rồi làm chứng, có hai: Một là chứng tự hành, hai là mãi cùng v.v... trở xuống là chứng hóa tha. Ba cõi là hai thứ ba cõi. 1. Nếu có v.v... trở xuống là nói chung công năng của người và pháp. Hai câu đầu là người tụng trì chú này, tức pháp lia các điều ác trở đi năm câu ba chữ là nói phá ác có công năng sanh thiện. Ban đầu lia các điều ác, v.v... là phá ác. Liên hoa hóa sanh, v.v... là sanh thiện. Thai kinh nói hoa sen hóa sanh, chẳng phải hóa sanh của thai, noãn, thấp, hóa. Chẳng phải hóa mà nói hóa, thật chẳng biết hóa sanh trong bốn loài sanh. Tâm tịnh tức ba đức phân hiển không bụi nhơ, tức ba hoặc phân trừ.

Là bài kệ ngũ môn khen ngợi, chia hai: Một là khen chung, nói đạo ngang bằng như mặt trời, mặt trăng, phá phiền não mê mờ của chúng sanh như mặt trời, mặt trăng, soi chiếu đêm ngày. Lại nữa, mặt trời dụ cho thật trí, mặt trăng dụ cho quyền trí. Chảy ra v.v... là tướng chung mà tốt riêng, nếu tướng không tốt thì không viên mãn. Luận Vương, Thích phạm cũng có tướng, vì không tốt cho nên tướng không nhiệm mầu. Từ chung có ra riêng vì thế nói chảy ra. Cho nên nường tựa, thân có tướng, nường tướng có tốt, tướng để tiêu biểu đức khiến người kính đức. Do niệm Phật tốt để nghiêm thân, khiến người ưa thích và muốn gần gũi. Núi Tu-di, là nói núi Tô-mê-lô, Hán dịch là Diệu Cao, cũng dịch là An Minh. Xuất ra nước tám mươi bốn ngàn du-thiện-na do bốn báu hợp thành, lia hai thứ ba đường ác. Ngoại giới tức kiến, tu Vô học.

Là tất cả trở xuống là khen riêng. Nay kinh chia làm hai.

1. Là khen ngợi Giáo chủ năng thuyết. Tất cả Phật tức mười phương ba đời. Vì các Đức Phật đều khen ngợi Quán Âm đại bi, hai khen ngợi v.v... trở xuống là khen ngợi người và pháp được nói, nói lên các Đức Phật đều nói kinh này.

2. Bấy giờ v.v... trở xuống là nói chú hộ trì.

Chia làm ba:

1. Là ý bài tựa.

2. Là chính thức nói chú. Chú này truy tìm xưa nay phần nhiều là câu từ đều đồng. Cho nên chẳng chép vào. Do hành nhân chẳng tụng để khỏi sửa đổi.

3. Là nói công dụng. Ba, Xá-lợi-phất v.v... trở xuống: Là truyền trao sở nhân, chia làm hai: 1. Thân Tử hỏi, chia làm ba: ban đầu khen ngợi công năng của bốn chú. Như thân chú này chỉ chung cho bốn bài chú. 2. Thế tôn v.v... trở xuống là chánh thỉnh sở nhân. 3. Sử vị v.v... trở xuống là vị lai có ích, Thích-ca v.v... trở xuống là đáp, chia hai: Một, nêu chung sở nhân, nghĩa là chung đối với vô lượng Phật sở, nghe nói chú này. Hai, lại niệm v.v... trở xuống là nêu riêng sở nhân, riêng đối với những điều đã nghe từ một Đức Phật. Văn chia làm bốn, ban đầu chỉ cho danh hiệu tốt đẹp, hai, bĩ Phật v.v... trở xuống là nghe Phật nói giáo pháp. Ba, ngã tức v.v... trở xuống là y giáo tu hành, bốn hoặc nhiên v.v... trở xuống là hạnh thành chứng lý. Hoặc nhiên: Pháp sư Ứng nói: là đáng vẻ lạ lùng nhanh chóng. Vô Sanh nhẫn tức Sơ Trụ của Viên giáo. Thủ-lăng-nghiêm. Đại luận quyển mười tám dịch là Kiện Tướng. Đại kinh nói Thủ-lăng-nghiêm là tất cả việc rốt ráo. Nghiêm là bền chắc, tất cả rốt ráo được vững chắc, gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Nếu điều lành v.v... trở xuống là khuyên thọ trì được lợi ích. Thọ trì đọc tụng viết chép giải thích, vì tín lực cho nên thọ, niệm lực cho nên trì. Xem văn là đọc, chẳng quên là tụng. Kinh sách của bậc Thánh khó hiểu, phải giải thích giảng nói là nói. Thọ trì thuộc về ý nghiệp, đọc tụng, giải thích thuộc về khẩu nghiệp, viết chép thuộc về thân nghiệp, hai, Phật nói v.v... trở xuống là chúng nghe ngộ đạo. Năm trăm tức Nguyệt Cái v.v... Xá-lợi v.v... trở xuống là vị lai được lợi ích, chia làm hai: Ban đầu Thân tử bạch Phật, hai là Phật bảo v.v... trở xuống là Như-lai ẩn khả. Lại nói như vậy là lời nói sâu xa. Nói lời này v.v... trở xuống là chúng vui vẻ ra về.

